

Số: /STNMT-KHTC
V/v báo cáo phục vụ Hội nghị tổng kết công
tác năm 2022 của ngành tài nguyên
và môi trường

Sóc Trăng, ngày tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Thực hiện Công văn số 7222/BTNMT-VP ngày 29/11/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, về việc chuẩn bị nội dung phục vụ Hội nghị tổng kết công tác năm 2022 của ngành tài nguyên và môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2023 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2022

Trong năm 2022, ngành Tài nguyên và Môi trường đã tập trung triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Tỉnh ủy và UBND tỉnh giao. Cụ thể: tiếp tục đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính với mục tiêu nâng cao chất lượng, hiệu quả, tiếp tục cải thiện chỉ số cải cách hành chính của Sở. Công tác xây dựng thể chế cũng được chú trọng thực hiện nhằm cụ thể hóa các quy định luật phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trong đó các quy định luật về quản lý đất đai là những vấn đề đã được Sở khẩn trương tham mưu UBND tỉnh ban hành.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thẩm định giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, qua đó từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ tốt hơn công tác quản lý nhà nước của ngành và mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định trật tự, an sinh xã hội của tỉnh. Đến nay, đã thực hiện cấp 444.228 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, với diện tích 283.872,29 ha, đạt tỷ lệ 99,97%; trong đó, đã cấp cho tổ chức 4.724 GCN với diện tích 12.673,28 ha; đã cấp cho hộ gia đình, cá nhân 439.504 GCN với diện tích 271.199,01 ha.

Quản lý tốt quỹ đất công và tập trung đẩy mạnh công tác phát triển quỹ đất. Trong năm, nhiều công trình đo đạc, giải phóng mặt bằng đã và đang được ngành Tài nguyên và Môi trường tập trung nguồn lực thực hiện. Điển hình là Dự án Nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A; Cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, giai đoạn 1; trục phát triển kinh tế Đông Tây; các dự án điện gió trên địa bàn thị xã Vĩnh Châu; dự án Cụm công nghiệp, Cảng tại thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách và các dự án nâng cấp, mở rộng các đường tỉnh, đường huyện, ... góp phần giải ngân vốn đầu tư của tỉnh và tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư trong thời gian tới.

Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội về môi trường được ngành Tài nguyên và Môi trường các cấp phối hợp thực hiện đạt 5/5 chỉ tiêu. Công tác kiểm soát, dự báo ô nhiễm môi trường tiếp tục được thực hiện tốt. Qua đó, tiếp tục vận hành mạng lưới quan trắc và công bố công khai số liệu quan trắc môi trường tài nguyên môi trường lên Cổng thông tin điện tử của Sở. Công tác thanh tra, kiểm tra thường xuyên được

triển khai thực hiện, qua đó kịp thời phát hiện, xử lý kịp các trường hợp vi phạm pháp luật tài nguyên và môi trường.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, trong năm 2022 công tác quản lý nhà nước của ngành cũng còn một số hạn chế, khó khăn, vướng mắc như:

- Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù, tái định cư nhưng từng lúc, từng công trình, dự án vẫn còn chưa đạt tiến độ theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Một số dự án chưa có khu tái định cư hoặc chưa giải quyết tái định cư đã quyết định thu hồi đất ở. Những trường hợp bị thu hồi đất ở thì tiền bồi thường không đủ để mua nhà ở mới tại khu tái định cư. Giá đất bồi thường thấp hơn giá đất cùng loại trên thị trường, nhất là đối với đất nông nghiệp trong khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn. Tiền bồi thường đất nông nghiệp thường không đủ để nhận chuyển nhượng diện tích đất nông nghiệp tương tự hoặc không đủ để nhận chuyển nhượng đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp để chuyển sang làm ngành nghề khác

- Trong năm, việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện còn chậm.

- Việc tham mưu UBND tỉnh trình các nội dung tại kỳ họp HĐND tỉnh còn một vài trường hợp chưa đảm bảo tiến độ, chất lượng, phải rà soát trình điều chỉnh (Tờ trình danh mục dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ).

- Vẫn còn tình trạng ô nhiễm môi trường do rác thải tại các khu vực đông dân cư ở thành thị và nông thôn. Một số tổ chức, doanh nghiệp còn để tình trạng chất thải thải ra nguồn tiếp nhận vượt quy chuẩn kỹ thuật, gây nguy cơ ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường xung quanh.

- Việc thực hiện nhiệm vụ giao khu vực biển ở địa phương còn nhiều hạn chế, trong đó: Phần mềm hệ thống kỹ thuật hỗ trợ công tác giao khu vực biển hiện chưa được cập nhật theo hướng dẫn tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Chưa xác định, công bố ranh giới trên biển giữa các tỉnh. Chưa quy định về định mức sử dụng diện tích khu vực biển có thời hạn cho dự án đầu tư phát triển điện gió trên biển. Chưa có trình tự, thủ tục, thành phần hồ sơ, cơ quan thẩm định,... cụ thể về việc chấp thuận việc đo đạc, quan trắc, điều tra, khảo sát, đánh giá tài nguyên biển theo quy định tại khoản 4, Điều 9 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP. Chưa có Quy hoạch không gian biển quốc gia; chưa có quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ để làm căn cứ giao khu vực biển theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do:

- Trong thời gian qua, việc xây dựng giá đất bồi thường cho người bị thu hồi đất đôi khi chưa sát với giá thị trường, do thị trường đất đai trên địa bàn tỉnh những năm qua biến động rất lớn; một số trường hợp không đồng ý giá đất thì thời gian kéo dài, từ đó ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng. Hơn nữa, chính sách hỗ trợ chuyển đổi ngành nghề, tìm kiếm việc làm, ổn định đời sống khi thu hồi đất nông nghiệp còn chưa cụ thể, chỉ hỗ trợ bằng tiền mà không có giải pháp cụ thể để có thể

giúp người dân ổn định cuộc sống sau giải tỏa. Đây là vấn đề rất đáng quan tâm trong đảm bảo an sinh xã hội.

- Tương tự như giá đất, giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu cũng chưa phù hợp với giá xây dựng mới trên thực tế, chưa tương xứng với tài sản của người dân bị ảnh hưởng khi giải tỏa tại các dự án, gây nên những thiệt thòi đối với người dân dẫn đến khiếu nại kéo dài thời gian.

- Về bố trí tái định cư, theo quy định, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phải thông báo cụ thể phương án tái định cư cho người có đất bị thu hồi. Song trên thực tế, nhiều dự án trước khi triển khai vẫn chưa có khu tái định cư để Hội đồng bồi thường xây dựng kế hoạch bố trí tái định cư cho các hộ dân giải tỏa, hoặc khu tái định cư chậm triển khai đầu tư dẫn đến người dân bàn giao mặt bằng cho dự án nhưng chưa có đất tái định cư xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống.

- Tại một số địa phương, do hạn chế trong công tác quản lý đất đai trước đây, nên tình trạng người dân xây dựng nhà trên đất nông nghiệp, đất do UBND xã quản lý. Theo quy định của pháp luật thì những trường hợp này không được bồi thường về nhà ở, không được bố trí đất tái định cư, trong khi thực hiện hầu như các dự án đều phải xin chủ trương hỗ trợ khác của UBND tỉnh nên mất nhiều thời gian.

- Còn có một số người dân lợi dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ của nhà nước để trục lợi, khi không đáp ứng được yêu cầu sẽ lôi kéo, kích động một bộ phận nhân dân khiếu nại, khiếu kiện gây mất trật tự trị an trên địa bàn, mất nhiều thời gian để giải quyết.

- Trong quá trình triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, một dự án có sai lệch về diện tích loại đất so với Nghị quyết thu hồi đất, do đó phải điều chỉnh, các thủ tục xin chủ trương chuyển đổi mục đích, thu hồi đất rừng, đất lúa. Đây cũng là một trong những khó khăn lớn dẫn đến chậm trễ tiến độ công tác giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn tỉnh thời gian qua.

- Thời gian qua trên địa bàn tỉnh triển khai nhiều công trình dự án, trong khi đó trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị làm tư vấn xây dựng giá đất, phần lớn thuê đơn vị tư vấn ngoài tỉnh, do đó công tác xây dựng giá cụ thể bồi thường về đất thường mất nhiều thời gian.

- Trung ương chậm phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất quốc gia cho tỉnh, do đó tỉnh chưa có đủ cơ sở để xây dựng Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai đến từng đơn vị hành chính cấp huyện để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh; Thời kỳ quy hoạch giai đoạn 2021-2030 thực hiện theo Luật quy hoạch nên các quy hoạch chuyên ngành đều tích hợp vào quy hoạch tỉnh. Đây là lần đầu tiên thực hiện quy hoạch tích hợp nên các ngành địa phương còn lúng túng trong quá trình thực hiện, dẫn đến tiến độ lập quy hoạch tỉnh còn chậm, hiện nay tỉnh đang trình Hội đồng thẩm định Trung ương thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do Quy hoạch tỉnh thực hiện còn chậm nên đã ảnh hưởng đến công tác lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 cấp tỉnh và Quy hoạch sử dụng đất đến 2030 cấp huyện; Đối với kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thực hiện chậm là do trong giai đoạn hiện nay, trên địa bàn tỉnh dự kiến triển khai một số công trình trọng điểm như Cầu Đại Ngãi, Cao tốc Châu Đốc – Cần Thơ – Sóc Trăng, Cảng biển Trần Đề, các dự án điện gió; đồng thời tỉnh Sóc Trăng đang tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư, có nhiều công trình, dự án phát triển kinh tế xã hội

cần có trong kế hoạch sử dụng đất; vì vậy trong quá trình lập kế hoạch sử dụng đất các địa phương phải thường xuyên cập nhật, bổ sung ảnh hưởng đến tiến độ trình phê duyệt. Ngoài ra cũng còn một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn, thường trình Sở Tài nguyên và Môi trường trễ hơn so với thời gian quy định, dẫn đến việc thẩm định, trình phê duyệt chậm.

- Việc trình danh mục dự án cần thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, Sở phải tổng hợp từ các huyện, thị xã, thành phố. Trong khi đó các địa phương thường gửi về Sở không đảm bảo thời gian quy định, danh mục đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục đầu tư nên có thay đổi về tên gọi, diện tích, vị trí,... theo đề nghị của các Sở ngành, nhà đầu tư; từ đó ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng các tờ trình do Sở tham mưu UBND tỉnh.

- Công tác tổ chức thu gom rác thải tại một số điểm dân cư còn chưa triệt để; một bộ phận người dân ý thức chưa tốt, còn vứt rác sinh hoạt xuống sông, kênh, rạch gây ô nhiễm; Cơ sở hạ tầng ở một số bãi rác đã xuống cấp, không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, làm ảnh hưởng đến công tác thu gom, xử lý rác thải, phát sinh mùi hôi. Một số doanh nghiệp chưa ý thức trách nhiệm trong quá trình hoạt động, vận hành hệ thống xử lý chất thải, chưa chủ động trong việc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước khi hệ thống quan trắc tự động, liên tục, hệ thống xử lý nước thải, khí thải gặp sự cố, qua đó, chất thải thải ra nguồn tiếp nhận vượt quy chuẩn kỹ thuật, gây nguy cơ ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường xung quanh.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2023

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trong đó tăng cường chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho người dân và doanh nghiệp. Phát huy tối đa các nguồn lực của ngành tài nguyên và môi trường để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở các cấp; nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý và cộng đồng dân cư trong quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên và môi trường đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh của tỉnh trong thời gian tới. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhất là tại các làng nghề, khu công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; phòng ngừa, phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ tài nguyên và môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai.

Trong năm 2023, ngành Tài nguyên và Môi trường phối hợp các ngành và địa phương phấn đấu thực hiện đạt các chỉ tiêu về môi trường như sau:

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường: 100%
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải: 100%;
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 93%;

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường: 63%.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải nguy hại: 100%.

Để thực hiện đạt các mục tiêu nêu trên, trong năm 2023 ngành tài nguyên và môi trường tập trung thực hiện những giải pháp như sau:

I. QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, thông qua việc cắt giảm thời gian thực hiện và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các thủ tục hành chính nhằm tạo môi trường thuận lợi, phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Triển khai thu phí, lệ phí, thuế điện tử đối với các thủ tục hành chính về đất đai, đặc biệt là cho hộ gia đình cá nhân theo chỉ đạo của Chính phủ. Thực hiện tốt các thủ tục hành chính về đất đai như thẩm định, trình UBND tỉnh thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất, giá đất cụ thể, ...

Đẩy mạnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, phán đấu trong năm 2023 cấp đạt 30% diện tích còn lại cần phải cấp Giấy chứng nhận. Chính lý biến động thường xuyên hồ sơ địa chính, đồng bộ hồ sơ các cấp huyện, xã

Khai thác và quản lý tốt quỹ đất công, đấu giá quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và ổn định thị trường bất động sản. Tiếp tục theo dõi tình hình biến động giá đất, kịp thời tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bảng giá các loại đất khi cần thiết theo quy định của pháp luật.

Triển khai lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất định kỳ. Trong năm, hoàn thành công tác trình phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cấp huyện và Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện đối với những địa phương còn tồn đọng. Đồng thời, triển khai xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp huyện, qua đó tổ chức thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ ngày càng tốt hơn công tác quản lý nhà nước của ngành. Qua đó, triển khai một số nhiệm vụ, dự án thường xuyên như thống kê đất đai năm 2022; chỉnh lý biến động thường xuyên hồ sơ địa chính; công khai bản đồ kế hoạch sử dụng đất cấp huyện lên cổng công khai thông tin tài nguyên và môi trường; Đồng thời, tiếp tục thực hiện Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai giai đoạn năm 2008-2010, định hướng đến 2015 tỉnh Sóc Trăng với các nội dung sau:

- Công trình Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai thị xã Ngã Năm: hoàn thành công tác kê khai, đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và tiến tới tổng nghiệm thu, hoàn thành công trình.

- Phê duyệt và triển khai thực hiện các công trình thành phần sau khi Dự án Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai giai đoạn năm 2008-2010, định hướng đến 2015 tỉnh Sóc Trăng được phê duyệt điều chỉnh, cụ thể như sau: (1) Công trình Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Châu Thành; (2) Công trình Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Sóc Trăng; (3) Công trình Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thị xã Vĩnh Châu.

- Triển khai khảo sát lập Thiết kế - kỹ thuật các công trình: (1) Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Mỹ Tú; (2) Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Long Phú; (3) Xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai huyện Cù Lao Dung

II. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Tăng cường và đa dạng hoá công tác truyền thông tuyên truyền về bảo vệ môi trường. Trong đó, tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi năm 2020; Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, vận động người dân thực hiện nếp sống văn hoá thân thiện với môi trường, tự giác chấp hành quy định pháp luật mà đặc biệt là công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn và hạn chế sử dụng túi nylon dùng một lần; tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới 5/6, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn 19/6, ngày Đa dạng sinh học 22/10, ...

Tiếp tục vận hành mạng lưới quan trắc môi trường của tỉnh làm cơ sở dự báo và cung cấp thông tin về chất lượng môi trường nước, đất, không khí, Đồng thời, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án như xây dựng Báo cáo công tác bảo vệ môi trường; Chuyên đề bảo vệ môi trường; Bộ chỉ thị môi trường; ... nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường phục vụ công tác dự báo, phòng ngừa ô nhiễm ngày càng chính xác, hiệu quả.

Tăng cường công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm môi trường, qua đó triển khai kiểm tra, giám sát việc sản xuất, nhập khẩu và sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật dùng trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; việc nhập khẩu phế liệu, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng gây nguy hại cho môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn xả thải lớn, có chứa hàm lượng các chất ô nhiễm cao; tăng cường bảo vệ môi trường các lưu vực sông, cải thiện, phục hồi môi trường các khu vực bị ô nhiễm; giám sát, kiểm tra các khu, cụm công nghiệp trong việc xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, lắp đặt hệ thống thiết bị kiểm soát, giám sát hoạt động xả thải theo quy định của pháp luật, truyền số liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường. Tập trung giám sát các dự án lớn, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra sự cố, ô nhiễm môi trường cao, bảo đảm không để xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng. Điều tra, thống kê chất thải, đánh giá tình hình ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

Triển khai các nhiệm vụ theo phân công của Chính phủ tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học; nâng cao năng lực quản lý và thực thi Luật đa dạng sinh học đến các cấp, các ngành trên địa bàn. Quản lý bảo vệ các khu bảo tồn, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học và các khu vực chưa đủ điều kiện thành lập khu bảo tồn; phát triển và mở rộng các khu bảo tồn thiên nhiên.

Thực hiện rà soát, xây dựng Kế hoạch lấy mẫu các đối tượng chịu phí và triển khai thực hiện thẩm định thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định. Tham mưu UBND tỉnh hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường cho các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các nhiệm vụ nạo vét kênh mương, xử lý ô nhiễm, thu gom rác thải, Bên cạnh đó, tích cực hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường của các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp.

III. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

Tham mưu thẩm định và trình UBND tỉnh cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất.

Thu thập, tổng hợp các thông tin, số liệu quan trắc về tài nguyên nước để đánh giá, dự báo diễn biến về tài nguyên nước (nước mặt, nước dưới đất) trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác quản lý. Thường xuyên tổ chức giám sát, kiểm tra và thanh tra đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp năm 2022, cụ thể: triển khai thực hiện và nghiệm thu Dự án Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; qua đó, tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch Cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng sau khi kết quả Dự án được UBND tỉnh phê duyệt. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành Dự án “Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” và dự án “Điều tra, đánh giá diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông chính trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng” để thực hiện trong năm 2023 và năm 2024.

Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương và triển khai thực hiện 02 dự án: (1) Kiểm kê tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; (2) Điều tra, đánh giá, đề xuất giải pháp ứng phó nguy cơ thiếu nguồn nước ngọt trước kịch bản suy giảm nguồn nước theo Kế hoạch số 46 KH-UBND ngày 28/3/2022 của UBND tỉnh.

IV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Phối hợp với cơ quan thuế, các Sở ngành, địa phương liên quan giám sát, kiểm tra và đôn đốc các tổ chức được cấp phép hoạt động khoáng sản trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định. Đồng thời, thường xuyên tổ chức kiểm tra, thanh tra tình hình hoạt động khoáng sản của các tổ chức, cá nhân được cấp phép hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh và hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo quy định pháp luật.

Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương và triển khai thực hiện Dự án Điều tra, đánh giá diễn biến dòng chảy, bồi lắng, xói lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông trên địa bàn tỉnh.

V. LĨNH VỰC TỔNG HỢP BIỂN, KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Lĩnh vực tổng hợp biển

Thực hiện Kế hoạch hành động của UBND tỉnh về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của UBND tỉnh) và triển khai thực hiện Đề án tăng cường quản lý rác thải nhựa ở Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22/7/2021.

Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiếp tục triển khai các nội dung nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố tràn dầu.

Tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ “Báo cáo hiện trạng môi trường biển và hải đảo theo chuyên đề” theo quy định tại Điều 51 Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo. Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Tham mưu UBND tỉnh báo cáo tình hình quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường biển năm 2022 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (theo quy định tại Thông tư số 10/2016/TT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết nội dung, thể thức, thời điểm báo cáo về quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo).

Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan kiểm soát việc tuân thủ các quy định pháp luật trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, vùng ven biển trên địa bàn quản lý

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về biển và hải đảo thông qua các ngày kỷ niệm của ngành như Ngày Đại dương Thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam; thông qua các lớp tập huấn, triển khai văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành; phối hợp cơ quan báo, đài thực hiện chuyên trang, chuyên mục về bảo vệ tài nguyên môi trường biển và hải đảo.

Tiếp tục đánh giá hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BTNMT ngày 29/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết bộ chỉ số và việc đánh giá kết quả hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo. Đồng thời, Tham mưu thẩm định và trình UBND tỉnh giao khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng.

Trình UBND tỉnh chấp thuận chủ trương và triển khai thực hiện Dự án Điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường vùng ven biển tỉnh Sóc Trăng.

2. Lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu

Tiếp tục tham mưu triển khai Kế hoạch thực hiện thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị; Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 1422/QĐ-UBND ngày 14/6/2021.

Triển khai thực hiện các nhiệm vụ về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô – dôn cho giai đoạn đến năm 2025 theo Công văn số 1095/BTNMT-BĐKH ngày 04/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật về biến đổi khí hậu.

Thu thập, cập nhật các thông tin, số liệu khí tượng thủy văn từ Trung tâm khí tượng thủy văn của tỉnh và các nguồn thông tin, số liệu khác phục vụ công tác quản lý các ngành và địa phương.

VI. GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ KHIẾU NẠI, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Tiếp tục thực hiện Đề án đổi mới công tác tiếp công dân theo Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 14/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp nhận, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và giải quyết đạt 100% số vụ việc đúng thời gian quy định.

Phân đầu giải quyết đạt từ 100% số hồ sơ khiếu nại, tố cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và các hồ sơ thuộc thẩm quyền của Sở.

Triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường theo kế hoạch và đột xuất.

Tiếp tục tuyên truyền các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.

VII. CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Thực hiện rà soát và trình Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục các văn bản quy phạm pháp luật tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và danh mục Tờ trình (Nghị quyết) dự kiến tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh. Qua đó, soạn thảo và gửi Dự thảo lấy ý kiến các Sở, ban ngành.

Tiếp tục thực hiện tinh giảm biên chế và sắp xếp, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, đảm bảo công khai, minh bạch, thực hiện tốt quy chế dân chủ.

Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính tại Sở thông qua việc xây dựng và triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp thông qua các kế hoạch về cải cách hành chính đến các phòng, đơn vị nhằm góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

Thực hiện tốt công tác tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ một cửa. Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001-2008.

Tiếp tục thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính, qua đó thực hiện công bố, niêm yết TTHC được UBND tỉnh công bố theo quy định. Đồng thời, xây dựng quy trình nội bộ thực hiện TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt (thực hiện khi UBND tỉnh có công bố TTHC).

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về tài nguyên và môi trường bằng nhiều hình thức phong phú thông qua các ngày kỷ niệm của ngành như ngày Nước Thế giới; ngày Khí tượng Thế giới; ngày Môi trường Thế giới; Tuần lễ Biên và Hải đảo; ... bằng các hình thức thiết thực, có sức lan tỏa và ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng như thực hiện các chuyên mục phát trên Đài Phát thanh và

Truyền hình tỉnh Sóc Trăng; các chuyên trang đăng trên Báo Sóc Trăng; tổ chức mít tinh, tọa đàm; treo băng rôn, khẩu ngữ mang ý nghĩa tuyên truyền, ...

Đồng thời, thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, phổ biến kiến thức pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành tài nguyên và môi trường theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030", Quyết định số 417/QĐ-BTNMT ngày 10/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Phê duyệt chương trình chuyển đổi số tài nguyên và môi trường đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, và chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

Tiếp tục vận hành và phát triển cổng thông tin điện tử thành phần của Sở. Đẩy mạnh việc công khai, minh bạch và công bố kịp thời, đầy đủ các thông tin, chính sách pháp luật về tài nguyên và môi trường.

Tăng cường công tác xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính Phủ. Qua đó, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương và triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai thực hiện khung kiến trúc công nghệ thông tin của ngành đảm bảo đầu tư có trọng điểm, đạt hiệu quả cao.

Vận hành và thường xuyên nâng cấp, cập nhật dữ liệu các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường ở các cấp.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1.**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN VÀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Nội dung | Tổng số hồ sơ | Hình thức tiếp nhận và giải quyết | | | Kết quả xử lý | |
|-----|-----------------------------|---------------|-----------------------------------|--------------|--------------------|---------------|----------|
| | | | Trực tiếp | Trực tuyến | Thanh toán điện tử | Đúng hạn | Quá hạn |
| 1 | Lĩnh vực đất đai | 31.206 | 29.477 | 1.729 | 66 | 31.175 | - |
| 2 | Lĩnh vực khoáng sản | 17 | - | 17 | - | 17 | - |
| 3 | Lĩnh vực tài nguyên nước | 291 | 257 | 34 | 1 | 289 | - |
| 4 | Lĩnh vực môi trường | 93 | 69 | 24 | - | 79 | - |
| 5 | Lĩnh vực biển và hải đảo | 13 | 1 | 12 | - | 11 | - |
| 6 | Lĩnh vực đo đạc và bản đồ | 5 | 2 | 3 | - | 5 | - |
| 7 | Lĩnh vực Khí tượng thủy văn | 3 | - | 3 | - | 3 | - |
| | Tổng số | 31.628 | 29.806 | 1.822 | 67 | 31.579 | - |

PHỤ LỤC 2.**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA**

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Nội dung | Số lượng (đoàn/cuộc) | Kết quả xử lý/kiến nghị xử lý sau thanh tra, kiểm tra | | | | |
|-----------|---------------------------------------|-------------------------|---|----------------------|---|--------------------------------|----------------------------|
| | | | Thu hồi đất (ha) | Thu hồi giấy phép | Xử phạt vi phạm hành chính (tr đồng) | Truy thu nghĩa vụ tài | Hình thức xử lý khác |
| I | Kết quả công tác thanh tra | | | | | | |
| 1 | Lĩnh vực đất đai | 6 | | | 250,04 | | |
| 2 | Khoáng sản | | | | | | |
| 3 | Tài nguyên nước | | | | | | |
| 4 | Môi trường | | | | | | |
| 5 | Biển và hải đảo | | | | | | |
| 6 | Khác | 4 | | | 643,54 | | |
| II | Kết quả công tác kiểm tra | | | | | | |
| 1 | Lĩnh vực đất đai | 51 | 0 | 0 | 572,97 | 0 | 0 |
| 2 | Khoáng sản | 0 | 0 | 0 | - | 0 | 0 |
| 3 | Tài nguyên nước | 18 | 0 | 0 | 461,40 | 0 | 0 |
| 4 | Môi trường | 17 | 0 | 0 | 1,01 | 0 | 0 |
| 5 | Biển và hải đảo | 0 | 0 | 0 | - | 0 | 0 |
| 6 | Khác | 0 | 0 | 0 | - | 0 | 0 |

PHỤ LỤC 3.**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT ĐƠN THƯ, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO**
(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Nội dung | Số lượng đơn thư tiếp nhận năm 2022 | | Số lượng đơn thư còn tồn đọng từ các năm trước | Tổng số đơn thư phải xử lý lũy kế đến 2022 | Kết quả giải quyết | | Số lượt tiếp công dân |
|-----|------------------|-------------------------------------|----------------|--|--|--------------------|--------------------------|-----------------------|
| | | Số lượng | Đơn phải xử lý | | | Số lượng | Chuyển cấp có thẩm quyền | |
| | Tổng số | 110 | 85 | 1 | 0 | 44 | 40 | 41 |
| - | Lĩnh vực đất đai | 103 | 82 | 1 | 0 | 42 | 39 | 38 |
| - | Khoáng sản | 2 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 |
| - | Tài nguyên nước | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| - | Môi trường | 5 | 2 | 0 | 0 | 2 | 0 | 3 |

PHỤ LỤC 4.**KẾT QUẢ GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHO PHÉP CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Chỉ tiêu | Diện tích (ha) | | |
|-----|--|----------------|----------------------------------|--------------------------------------|
| | | Tổng | Sử dụng vào mục đích nông nghiệp | Sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp |
| I | Giao đất không thu tiền sử dụng đất | 58,72 | 1,13 | 57,59 |
| II | Giao đất có thu tiền sử dụng đất | 0,076 | 0 | 0,076 |
| III | Cho thuê đất | 289,34 | 100,43 | 188,91 |
| IV | Cho phép chuyển mục đích Từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp | | | |
| 1 | Đất trồng lúa | 108,071 | 2,187 | 105,884 |
| 2 | Đất rừng | 0,4 | 0 | 0 |
| 2.1 | Rừng phòng hộ | 0,4 | 0 | 0 |
| 2.2 | Rừng đặc dụng | 0 | 0 | 0 |

PHỤ LỤC 5.**KẾT QUẢ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI***(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)*

| STT | Chỉ tiêu | Lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022 | | | Trong đó: cấp trong năm 2022 | | Ghi chú |
|---|--|--|---|---------------------------|---|-------------------------|---------|
| | | Diện tích cần phải cấp giấy | Diện tích đã hoàn thành cấp giấy | Số giấy chứng nhận đã cấp | Diện tích cấp mới lần đầu | Số giấy cấp mới lần đầu | |
| I. Kết quả cấp Giấy chứng nhận | | | | | | | |
| 1 | Đất nông nghiệp | 273.901,49 | 273.900,29 | 281.810 | 338,12 | 1.136 | |
| 2 | Đất phi nông nghiệp | 10.068,05 | 9.971,51 | 195.900 | 12,27 | 984 | |
| | Trong đó: đất ở | 6.168,11 | 6.168,11 | 219.229 | 12,08 | 983 | |
| II. Kết quả xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai | | | | | | | |
| STT | Chỉ tiêu | Số huyện lũy kế đến thời điểm báo cáo năm 2022 | | | | Ghi chú | |
| | | Tổng số | Trong đó: Đã kết nối với dữ liệu dân cư | Đã cung cấp dịch vụ công | Kết nối liên thông với tổ chức thuế và tín dụng | | |
| 1 | Số đơn vị hành chính cấp huyện đã hoàn thành và đưa vào vận hành | 1 | 0 | 1 | | | |
| - | Đã đưa vào khai thác trong quản lý và cung cấp dịch vụ công | 1 | 0 | 1 | | | |
| - | Dự kiến hoàn thành trong năm 2022 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 2 | Số đơn vị hành chính cấp huyện đang triển khai | 1 | 0 | 0 | 0 | | |

PHỤ LỤC 6.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG CẤP TỈNH

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Chỉ số | Đơn vị tính | Kết quả | | Tăng, giảm so với năm 2021 | Ghi chú |
|-----|--|-------------|----------|-----------|---|--|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | | |
| 1 | Số đô thị (loại IV trở lên) có hệ thống xử lý nước thải tập trung | Đô thị | 1 | 33,33 | 0 | Nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Sóc Trăng |
| 2 | Số khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung | Khu | 1 | 100 | 0 | Khu công nghiệp An Nghiệp |
| 3 | Số nguồn thải có hệ thống quan trắc tự động liên tục | Cơ sở | 4 | 100 | 2 | - Khu công nghiệp An Nghiệp |
| | | | | | | - Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta |
| | | | | | | - Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng |
| | | | | | | - Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng |
| - | Trong đó, số KCN, KCX, KCNC có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục | Khu | 1 | 100 | 0 | - Khu công nghiệp An Nghiệp |
| 4 | Cụm công nghiệp có kết nối hạ tầng thu gom và xử lý nước thải tập trung | Cụm | - | - | - | Trên địa bàn tỉnh chưa có cụm công nghiệp hoạt động |
| 5 | Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng hoàn thành xử lý triệt để | Cơ sở | 0 | 0 | 0 | Hiện đang triển khai Dự án Đóng cửa bãi rác Phường 7, thành phố Sóc Trăng và Dự án Xử lý triệt để và ngăn ngừa tái phát ô nhiễm tại Bãi rác thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng |
| 6 | Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn | | 831,9 | | Tăng 42,5 tấn so với năm 2020 (789,4 tấn) | Số liệu lấy năm 2021 và 2020 |
| 6.1 | Chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh | Tấn | 297,9 | 35,80% | Tăng 35,7 tấn | |
| - | Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn | Tấn | 277 | 93% | Tăng 59,4 tấn | |
| - | Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế, | Tấn | - | - | - | |

| STT | Chỉ số | Đơn vị tính | Kết quả | | Tăng, giảm so với năm 2021 | Ghi chú |
|------|---|-------------|----------|-----------|--|--|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | | |
| | đốt rác phát điện, công nghệ sinh học. | | | | | |
| 6.2 | Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn | Tấn | 534 | 64,20% | Tăng 6,8 tấn so với năm 2020 (527,2 tấn) | |
| - | Trong đó, được xử lý thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn | Tấn | 335 | 62,80% | Tăng 216,8 tấn | |
| - | Được xử lý theo hình thức xử lý, tái chế. Đốt rác phát điện, công nghệ sinh học | Tấn | - | - | | |
| 7 | Số lượng các trạm quan trắc nước thải/khí thải tự động, liên tục | Trạm | 4 | 100 | 2 | - Khu công nghiệp An Nghiệp - Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng - Công ty Cổ phần công trình đô thị Sóc Trăng |
| 8 | Số lượng vụ việc vi phạm pháp luật về môi trường đã phát hiện và được xử lý | | | | | |
| - | Trong đó: Giải quyết vụ việc được phản ánh thông qua đường dây nóng về môi trường | Vụ việc | | | | |
| - | Số lượng vụ việc được phản ánh, kiến nghị | Vụ việc | | | | |
| - | Số lượng vụ việc đã được giải quyết dứt điểm | Vụ việc | | | | |
| 9 | Số huyện đạt tiêu chuẩn về môi trường nông thôn mới | | 3 | 30% | Tăng 1 | Thị xã Ngã Năm, thị xã Vĩnh Châu, huyện Mỹ Xuyên |
| 10 | Công tác bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | | | | | |
| 10.1 | Khu Bảo tồn | | | | | |
| - | Số lượng | Khu | | | | |
| - | Diện tích | Ha | | | | |
| 10.2 | Di sản thiên nhiên | | | | | |

| STT | Chỉ số | Đơn vị tính | Kết quả | | Tăng, giảm so với năm 2021 | Ghi chú |
|------|----------------------------|-------------|----------|-----------|----------------------------|---------|
| | | | Số lượng | Tỷ lệ (%) | | |
| - | Số lượng | Khu | | | | |
| - | Diện tích | Ha | | | | |
| 10.3 | Hành lang đa dạng sinh học | | | | | |
| - | Số lượng | Khu | | | | |
| - | Diện tích | Ha | | | | |
| 10.4 | Cơ sở bảo tồn | | | | | |
| - | Số lượng | Khu | | | | |
| - | Diện tích | Ha | | | | |

PHỤ LỤC 7.

KẾT QUẢ GIAO KHU VỰC BIỂN
(Kèm theo Công văn số /STNMT-KHTC ngày /12/2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng)

| STT | Mục đích sử dụng | Tổng diện tích giao khu vực biển (ha) | Thẩm quyền giao khu vực biển | | |
|-----|-------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|--|
| | | | Thủ tướng chính phủ | Bộ Tài nguyên và Môi trường | Địa phương |
| 1 | An ninh, quốc phòng | | | | |
| 2 | Khai thác điện gió ngoài khơi | | | | |
| 3 | Thực hiện dự án cảng biển, logistic | | | | |
| 4 | Nuôi trồng thủy sản | | | | |
| 5 | Mục đích khác | 59,9ha | | | Quyết định 2495/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 |